TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-ST
Ngày: 26- 4- 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

2. Ông Nguyễn Đình Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy – là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 463/2018/TLST-DS ngày 24/12/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST - DS, ngày 20/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐHPT-ST, ngày 10/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị H1**, sinh năm 1970; địa chỉ thường trú: T, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi; Chỗ ở hiện nay: Số 120/5 đường P, tổ 09, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Thu H2**, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 31/33 đường T, tổ 22, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị B**; địa chỉ: Số 31/33 đường T, tổ 22, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà H1 có đơn xin xét xử vắng mặt; bà H2, bà B vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2019; bản tự khai ngày 02/3/2019; biên bản phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 24/01/2019 nguyên đơn bà Phạm Thị H1 trình bày:*

Bà và bà Trần Thị Thu H2 quen biết nhau qua một người bạn. Sau nhiều lần tâm sự, bà H2 có đề nghị mượn tiền của bà để làm ăn, lãi suất hai bên tự thỏa thuận là 5%/tháng. Vào ngày 06/5/2017 âm lịch, bà có cho bà H2 mượn số tiền là 15.000.000 đồng, bà H2 có viết giấy vay tiền và ký tên. Để tạo thêm niềm tin, bà có yêu cầu mẹ chồng bà H2 là bà Phạm Thị B ký vào giấy vay tiền, mặc dù trong giấy vay tiền có chữ ký của bà Phạm Thị B nhưng thực chất số tiền này là do bà H2 vay, không liên quan gì đến bà B. Giấy mượn tiền không ghi thời gian trả nhưng giữa hai bên có thỏa thuận bằng miệng là trong vòng 01 tháng bà H2 phải trả hết số tiền đã vay bao gồm cả vốn lẫn lời. Hết 01 tháng bà đòi tiền gốc và lãi thì bà H2 không trả, nhưng sau đó bà H2 có trả 02 tháng tiền lãi là 1.500.000 đồng và không trả cho bà. Nhiều lần bà gặp bà H2 đòi nợ nhưng bà H2 không trả, ngày 13/11/2018 bà gửi văn bản thông báo yêu cầu bà H2 trả trong vòng 01 tuần phải trả đủ số tiền gốc, lãi nhưng đến nay bà H2 vẫn chưa trả . Số tiền 1.500.000 đồng bà H2 đã trả bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Nay bà bà yêu cầu bà H2 trả cho bà 13.500.000 đồng và 3.645.000 đồng tiền lãi.

Ngày 10/4/2019, bà có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc bà Trần Thị Thu H2 trả tiền lãi, chỉ yêu cầu bà H2 trả 13.500.000đ (*Mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng*) tiền gốc.

** Bị đơn bà Trần Thị Thu H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, Thông báo công khai chứng cứ và hòa giải,... nhưng bà Trần Thị Thu H2, Phạm Thị B vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản ý kiến cũng như chứng cứ cho Tòa. Nên không có ý kiến của các bà trong hồ sơ vụ án

* Tại phiên Toà đại diện Viện kiểm sát cho rằng quá trình thụ lý, tống đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết Toà đã thực hiện đúng quy định pháp luật; thời hạn đưa vụ án ra xét xử chưa đúng quy định Điều 203 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành pháp luật. Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, đối với việc nguyên đơn rút phần khởi kiện yêu cầu trả lãi, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để bà Trần Thị Thu H2, bà Phạm Thị B đến Tòa làm việc về nội dung khởi kiện của bà Phạm Thị H1; nhưng bà H2, bà B đều vắng mặt tại địa chỉ cư trú theo giấy mượn tiền, chính quyền địa phương xác nhận bà H2, bà B đã bán nhà số 31/33 đường Trương Định, tổ 22, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi và không rõ hiện nay sinh sống ở đâu, nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ mới. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015, thì trường hợp của bà H2, bà B được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa thực hiện thủ tục tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng bị đơn bà Trần Thị Thu H2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; nguyên đơn bà Phạm Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, liên quan và thực hiện thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Căn cứ vào chứng cứ do bà Phạm Thị H1 giao nộp là giấy mượn tiền đề ngày 06/5/2017 âm lịch có chữ ký và chữ viết của người mượn tiền Trần Thị Thu H2, sinh ngày 26/12/1989; địa chỉ thường trú: Số nhà 31/33 đường Trương Định, tổ 22, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì những tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn đưa ra được một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối thì không phải chứng minh. Bà Phạm Thị H1 khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thu H2 trả số tiền nợ gốc 13.500.000đ (*Mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng)* là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với nội dung nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả 3.645.000đ (*Ba triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) tiền lãi, nhận thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện trả tiền lãi.

[2.2] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 675.000 đồng (*13.500.000 đồng x 5%)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện cho nguyên đơn.

[2.3] Nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với phân tích, đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc bà Trần Thị Thu H2 có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị H1 số tiền 13.500.000đ (*Mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Trần Thị Thu H2 phải trả số tiền lãi 3.645.000đ (*Ba triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

3. Về án phí:

- Bà Trần Thị Thu H2 phải chịu 675.000đ (*Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Phạm Thị H1 số tiền 428.625đ (*Bốn trăm hai mươi tám nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0000284 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hùng